

Số: 25/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 323/2016/TT-BTC
ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra,
giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá**

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 323/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 323/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá (sau đây gọi là Thông tư số 323/2016/TT-BTC) như sau:

1. Điểm b khoản 2 của Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Chi hoạt động của Hội đồng và Tổ giúp việc của Hội đồng đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá bao gồm chi văn phòng phẩm được thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế hợp pháp;”

2. Điểm b khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Các hồ sơ thẩm định giá do doanh nghiệp thực hiện: Hồ sơ thẩm định giá được lựa chọn để kiểm tra là những hồ sơ đã được phát hành trong thời kỳ kiểm tra hoặc thời kỳ khác trong thời gian lưu trữ bắt buộc theo quy định;”

3. Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Kiểm tra định kỳ

Kiểm tra định kỳ được thực hiện đối với một doanh nghiệp thẩm định giá tối đa một lần trong 3 năm tính từ ngày doanh nghiệp được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá hoặc tính từ lần kiểm tra liên kế trước đó.

2. Kiểm tra đột xuất

b) Theo yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;”

4. Điểm d Khoản 1 của Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“đ) Chấm điểm theo các nội dung của Bảng đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này. Trường hợp kết quả điểm chấm giữa các thành viên đoàn kiểm tra có khác nhau khi đánh giá cùng một nội dung của một hồ sơ, Trưởng đoàn kiểm tra sẽ là người quyết định kết quả chấm điểm cuối cùng của Đoàn kiểm tra;”

5. Khoản 4 Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Doanh nghiệp thẩm định giá đang còn thời hạn bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá nhưng chưa đủ điều kiện để được coi là chưa từng bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”.

6. Điểm c khoản 1 Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Bảng tổng hợp đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp do doanh nghiệp tự chấm điểm quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này từ tối thiểu 15 bộ hồ sơ thẩm định giá do Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính lựa chọn ngẫu nhiên từ danh sách các hồ sơ thẩm định giá mà doanh nghiệp đã hoàn thành trong thời kỳ đề nghị đánh giá. Trường hợp doanh nghiệp có ít hơn 15 bộ hồ sơ thì nộp tất cả các hồ sơ thẩm định giá thực hiện trong thời gian đó;”

7. Phụ lục số 02 được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 06 năm 2019.

2. Doanh nghiệp thẩm định giá đang được đánh giá chất lượng thẩm định giá theo các quy định tại Thông tư số 323/2016/TT-BTC trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục đánh giá chất lượng thẩm định giá theo các quy định tại Thông tư số 323/2016/TT-BTC.

3. Kể từ ngày 01/01/2021, các doanh nghiệp thẩm định giá đã được đánh giá chất lượng thẩm định giá theo các quy định tại Thông tư số 323/2016/TT-BTC chưa được coi là đã được đánh giá chất lượng thẩm định giá lần đầu.

4. Cục trưởng Cục Quản lý giá, Chánh Văn phòng Bộ, người đứng đầu Tổ chức nghề nghiệp về thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá hành nghề và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Công báo;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hội thẩm định giá Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLG (400b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Văn Hiếu

Phụ lục
Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 323/2016/TT-BTC
ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BTC ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ Tài chính)

“Phụ lục số 02

BẢNG ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG THẨM ĐỊNH GIÁ
CỦA DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 323/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

TT	Nội dung đánh giá	Văn bản quy định	Điểm chuẩn	Điểm doanh nghiệp chấm	Điểm Đoàn kiểm tra chấm (nếu có)	Điểm Hội đồng chấm	Hướng dẫn chấm điểm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
I	CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THẨM ĐỊNH GIÁ		15				
1	Đối với doanh nghiệp thẩm định giá, chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá		10				
1.1	Đảm bảo và duy trì điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong quá trình hoạt động.	Điều 39, Khoản 1 Điều 40 và Điều 43 Luật Giá; Điều 18 và Điều 21 Nghị định 89/2013/NĐ-CP					Nếu đảm bảo, không điều chỉnh điểm. Trường hợp không đảm bảo dưới 03 tháng liên tục, trừ điểm 5 điểm; trường hợp bị đình chỉ trừ 10 điểm.

TT	Nội dung đánh giá	Văn bản quy định	Điểm chuẩn	Điểm doanh nghiệp chấm	Điểm Đoàn kiểm tra chấm (nếu có)	Điểm Hội đồng chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1.2	Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.	Khoản 1 Điều 5 Thông tư 38/2014/TT-BTC					Nếu chấp hành, không điều chỉnh điểm. Trường hợp không chấp hành, trừ 10 điểm.
1.3	Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá vào các mục đích khác mà pháp luật cấm hoặc không quy định.	Khoản 1 Điều 5 Thông tư 38/2014/TT-BTC					Nếu chấp hành, không điều chỉnh điểm. Trường hợp không chấp hành, trừ 10 điểm.
1.4	Chấp hành kiểm tra, thanh tra và thực hiện văn bản xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Khoản 6 Điều 4 Nghị định 89/2013/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 5 Thông tư 38/2014/TT-BTC					Nếu chấp hành, không điều chỉnh điểm. Trường hợp không chấp hành, trừ 10 điểm.
1.5	Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá được đăng ký thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc thẩm định giá đảm bảo các điều kiện hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật.	Điều 41 Luật Giá, Khoản 1 Điều 4 Thông tư 38/2014/TT-BTC					Nếu chấp hành, không điều chỉnh điểm. Trường hợp vi phạm, trừ 10 điểm.